

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 11 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ 2

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy L đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm và lối sống giữa hai người nên vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, đời sống chung của vợ chồng không tồn tại nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy L.

- Về con chung: Anh T khai nhận vợ chồng có 01 con chung Lê Thiện N, sinh ngày 05/10/2018 và đã mất ngày 09/6/2020 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 09/10/2020, chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung cũng như tình cảm, mâu thuẫn và đời sống chung hiện tại của vợ chồng giống như anh T đã trình bày. Nay anh T có yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn. Tuy nhiên, vì con mới mất nên chị không mong muốn vợ chồng ly hôn trong thời gian này và yêu cầu Tòa án kéo dài thời hạn giải quyết vụ án cho đến tháng 4/2021 chị mới đồng ý thuận tình ly hôn với anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã đến Tòa án làm bản tự, tham gia hòa giải và thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27/10/2020 chị L vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Để có cơ sở tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ cho chị L theo đúng trình tự thủ tục của pháp luật, nhưng tại phiên tòa lần thứ hai ngày 26/11/2020 chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, thì anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thùy L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện B ngày 11/9/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, việc kết hôn của anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về đời sống hôn nhân, các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Vì vậy, anh T có yêu cầu ly hôn thì chị L cũng đồng ý, nhưng với một điều kiện đến tháng 4/2021 chị L mới đồng ý thuận tình ly hôn với anh T. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, không còn yêu thương quý trọng nhau và bỏ mặc nhau trong một thời gian dài nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân của các đương sự không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị L, đề nghị Tòa án gia hạn thời gian giải quyết vụ án cho đến tháng 4/2021, chị mới đồng ý thuận tình ly hôn, vì lý do con mới mất. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì yêu cầu của chị L không có cơ sở để xem xét nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự thừa nhận có 01 con chung Lê Thiện N, sinh ngày 05/10/2018 nhưng đã chết ngày 09/6/2020 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy L.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000442 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2020); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS huyện Bố Trạch;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

- UBND TT N, huyện B, QB (GCNKH số: 51/2018 ngày 11/9/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**Trần Trung Thành**